

*Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán*  
*Số: 0223-01/2016/BCKiT*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ  
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

*Mã số thuế: 1601968090*

# **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì**

## **Đường Thủy Nội Địa Số 13**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
2. Báo cáo Kiểm toán	4
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 24

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

## THÔNG TIN CHUNG

### 1. Khái quát về Công ty

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 13 ("Công ty") là Công ty Cổ Phần, 100% vốn trong nước, Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601968090, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 03 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 08 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty được chuyển đổi từ Đoạn Quản Lý Đường Thủy Nội địa số 13 thành Công ty Cổ phần theo Biên bản họp ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Đoạn Đường thủy số Nội địa số 13.

- Người đại diện theo pháp luật: Ngô Xuân Hà; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ: Giám đốc
- Vốn điều lệ: 8.475.583.931 VND
- Trụ sở chính đặt tại: 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Mã số thuế Công ty: 1601968090

### 2. Hội đồng quản trị và ban điều hành, quản lý:

Thành viên hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### a. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tòng	Thành viên HĐQT
Ông Phan Văn Bình	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Nhạn	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hải Nam	Thành viên HĐQT

#### b. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đình Kỳ	Trưởng BKS
Ông Đỗ Khắc Ban	Thành viên BKS

#### c. Ban giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Xuân Hà	Giám đốc
Ông Phan Văn Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tòng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nhạn	Kế toán trưởng

### 3. Các hoạt động chính

Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành. Chi tiết: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; điều tiết; thanh thải vật chướng ngại; cứu hộ, cứu nạn; chống va trôi các cầu đầm bảo an toàn giao thông đường thủy; hoa tiêu đường thủy; khảo sát đường thủy.

**THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)****3. Các hoạt động chính (tiếp theo)**

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất báo hiệu đường thủy.
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển. Chi tiết: Thiết kế, sản xuất, lắp đặt báo hiệu đường thủy.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Dịch vụ cơ khí đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng phương tiện thủy, bô.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, đá, sỏi.

**4. Kết quả kinh doanh**

(Đơn vị tính: VND)

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu	18.621.230.253	18.295.561.177
Lãi gộp	4.480.090.454	1.114.839.273
Lãi trước thuế	1.324.018.437	1.224.363.660

**5. Kiểm toán độc lập**

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán Tư Vấn Khang Việt (KVAC) thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

0862495  
CÔNG TY  
CH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN TƯ VẤN KHANG VIỆT  
HÀ NỘI  
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 13 (Công ty) trình bày báo cáo này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.*

#### **6. Trách nhiệm của Ban Giám Đốc đối với báo cáo tài chính**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

**Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.**

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

#### **7. Công bố của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## Thay mặt Ban Giám đốc



NGÔ XUÂN HÀ

*Giám Đốc*

*An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2016*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Báo cáo tài chính năm 2015 của  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13  
Số: 0223-01/2016/BCKiT*

**Kính gửi: Ban Giám Đốc và Chủ Sở Hữu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phàn Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 13, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2014, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám Đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phàn Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 13 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2016

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán Tư Vấn Khang Việt**

Tổng Giám đốc Công ty  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN TƯ VẤN  
**KHANG VIỆT**

Võ Duy Trung  
Kiểm toán viên công chứng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1276-2013-181-1

Kiểm Toán Viên

Lê Thị Ngọc Minh

Kiểm toán viên công chứng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2160-2013-181-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>12.840.147.180</b>	<b>12.913.753.692</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>1.574.403.596</b>	<b>7.990.177.604</b>
1. Tiền	111		1.574.403.596	7.990.177.604
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.100.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	4.100.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.244.934.517</b>	<b>2.040.464.355</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	5.922.846.538	1.432.464.188
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	555.892.667	608.000.167
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(233.804.688)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>602.484.412</b>	<b>2.800.395.879</b>
1. Hàng tồn kho	141		602.484.412	2.800.395.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>318.324.655</b>	<b>82.715.854</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	318.324.655	60.998.800
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	21.717.054
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>3.010.079.501</b>	<b>3.807.915.212</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.010.079.501</b>	<b>3.807.915.212</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.07</b>	<b>3.010.079.501</b>	<b>3.537.915.212</b>
- Nguyên giá	222		8.695.912.716	9.027.964.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.685.833.215)	(5.490.048.798)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
1	2	3	4	5
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	227	<b>V.08</b>	-	<b>270.000.000</b>
- Nguyên giá	228		-	306.265.203
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(36.265.203)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>15.850.226.681</b>	<b>16.721.668.904</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>6.439.776.276</b>	<b>8.246.084.973</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.439.776.276</b>	<b>8.246.084.973</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	8.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	1.443.261.957	5.673.853.957
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.414.811.119	225.098.590
4. Phải trả người lao động	314	V.11	3.017.206.347	1.819.858.586
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	40.838.463
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		564.496.853	478.435.377
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>9.410.450.405</b>	<b>8.475.583.931</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>9.410.450.405</b>	<b>8.475.583.931</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.475.583.931	8.475.583.931
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.475.583.931	8.475.583.931
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn CP	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		52.960.738	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		39.460.738	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		842.444.998	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>15.850.226.681</b>	<b>16.721.668.904</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (*tiếp theo*)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2016



Ngô Xuân Hà  
Giám đốc

Nguyễn Văn Nhạn  
Kế Toán Trưởng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 27/03/2015- 31/12/2015	Kỳ trước 01/07/2014- 26/03/2015
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>18.621.230.253</b>	<b>18.295.561.177</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>18.621.230.253</b>	<b>18.295.561.177</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>V.03</b>	<b>14.141.139.799</b>	<b>17.180.721.904</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.480.090.454</b>	<b>1.114.839.273</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	133.433.214	109.524.387
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	136.000	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	167.781.173	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	3.196.588.058	-
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>1.249.018.437</b>	<b>1.224.363.660</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.09	75.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.10	-	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>75.000.000</b>	-
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.324.018.437</b>	<b>1.224.363.660</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	269.730.487	244.872.732
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51- 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.054.287.950</b>	<b>979.490.928</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	1.171,43	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.14	-	-

An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2016



Ngô Xuân Hà  
Giám đốc

Nguyễn Văn Nhạn  
Kế Toán Trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 27/03/2015- 31/12/2015	Kỳ trước 01/07/2014- 26/03/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.324.018.437</b>	<b>1.224.363.660</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		453.929.031	
- Các khoản dự phòng	03		233.804.688	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(109.524.381)
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.006.825.356</b>	<b>1.468.649.854</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.502.842.893)	(562.977.327)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.197.911.467	5.084.250.515
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)	11		(1.806.308.697)	(4.487.790.607)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		86.580.825	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(297.940.066)	(259.268.607)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			59.990.180
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(1.268.532.143)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.315.774.008)</b>	<b>34.321.865</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.100.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			109.524.387
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.100.000.000)</b>	<b>109.524.387</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(6.415.774.008)</b>	<b>143.846.252</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>7.990.177.604</b>	<b>7.846.331.352</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>1.574.403.596</b>	<b>7.990.177.604</b>

An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2016



Ngô Xuân Hà

Giám đốc

Nguyễn Văn Nhạn

Kế Toán Trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

*(Đơn vị tính: VND)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 13 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - vận tải - thương mại**

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành. Chi tiết: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; điều tiết; thanh thảm vật chướng ngại; cứu hộ, cứu nạn; chống va trôi các cầu đêm bảo an toàn giao thông đường thủy; hoa tiêu đường thủy; khảo sát đường thủy.

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện thủy nội địa, ụ tàu.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Tổ chức tua du lịch thủy nội địa.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, đá, sỏi.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng phương tiện thủy, bộ.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy.
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng.
  - Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng.
  - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển. Chi tiết: Thiết kế, sản xuất, lắp đặt báo hiệu đường thủy.
  - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất báo hiệu đường thủy, cọc bê tông cốt thép.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 27 tháng 03 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**6. Nhân viên:**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 103 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 107 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 28 tháng 03 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(Đơn vị tính: VND)

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

TSCĐHH được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐHH bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03-13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

**9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

## 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

#### Chỉ tiêu

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Cộng

	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
57.859.401	16.416.450	
1.516.544.195	7.973.761.154	
<b>1.574.403.596</b>	<b>7.990.177.604</b>	

### 02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

#### Chỉ tiêu

- + Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (Ngân hàng TMCP BIDV - CN An Giang)

Cộng

	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
4.100.000.000	-	
<b>4.100.000.000</b>	<b>-</b>	

### 03. Phải thu của khách hàng

#### a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

#### Chỉ tiêu

- Chi Cục ĐTNĐ Phía Nam  
Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam

	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
3.401.339.000	-	
552.501.000	552.501.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*  
*(Đơn vị tính: VND)*

### 03. Phải thu của khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
Công ty CP QLDS Số 2	484.571.000	484.571.000
Công ty CP Đường sông số 2	399.121.000	-
Công ty CP Xây Dựng 465	329.318.041	-
Công ty CP sản xuất thiết bị điều khiển và báo hiệu	260.000.000	-
Cục QLĐB IV	168.271.000	-
Công ty CP Tàu Cuốc	101.109.462	101.109.462
Công ty CP Xây Dựng Đê Kè Và Phát Triển Nông Thôn Hải Dương	63.573.000	-
Công ty Cầu 14	45.139.880	45.139.880
Công ty Xây Dựng Công Trình 2	44.803.746	44.803.746
Công ty TNHH MTV TAYDOSHIN - Nhà máy CBLT Phương Đông	30.347.809	-
BQL Khu Kinh Tế Tỉnh An Giang	-	145.125.500
Khác	42.751.600	59.213.600
<b>Cộng</b>	<b>5.922.846.538</b>	<b>1.432.464.188</b>

### 04. Phải thu khác

#### a. Phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
Chính sách cho người lao động dôi dư khi cổ phần hóa	310.091.667	310.091.667
Lê Quốc Khánh	1.000.000	5.500.000
Khúc Văn Hinh	-	500.000
Tạm ứng cho Nguyễn Văn Dũng	10.000.000	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	(*) 234.801.000	291.908.500
<b>Cộng</b>	<b>555.892.667</b>	<b>608.000.167</b>

(\*) Khoản kí quỹ bão lũ thực hiện công trình theo hợp đồng bão lũ số Z0014/14 ngày 25/11/2015 tại Ngân Hàng TMCP Đông Á CN An Giang

Nội dung: Bão lũ dự thầu cho gói thầu "Thi công xây lắp hạng mục đảm bảo giao thông đường thủy thuộc dự án cầu Tân An - đường tỉnh 952" giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cầu Tân An và Công Ty CP Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 13.

### 05. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	602.484.412	2.800.395.879
<b>Cộng</b>	<b>602.484.412</b>	<b>2.800.395.879</b>

### 06. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
- Công cụ dụng cụ	318.324.655	60.998.800
<b>Cộng</b>	<b>318.324.655</b>	<b>60.998.800</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

**07. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.764.927.163</b>	<b>789.002.135</b>	<b>6.437.384.712</b>	<b>36.650.000</b>	-	<b>9.027.964.010</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	15.000.000	280.401.294	-	36.650.000	-	<b>332.051.294</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.749.927.163</b>	<b>508.600.841</b>	<b>6.437.384.712</b>	-	-	<b>8.695.912.716</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>975.692.486</b>	<b>618.514.587</b>	<b>3.866.521.725</b>	<b>29.320.000</b>	-	<b>5.490.048.798</b>
- Khấu hao trong năm	55.255.896	50.648.679	348.024.456	-	-	<b>453.929.031</b>
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	12.000.000	216.824.614	-	29.320.000	-	<b>258.144.614</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.018.948.382</b>	<b>452.338.652</b>	<b>4.214.546.181</b>	-	-	<b>5.685.833.215</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Số đầu năm	789.234.677	170.487.548	2.570.862.987	7.330.000	-	<b>3.537.915.212</b>
- Số cuối năm	730.978.781	56.262.189	2.222.838.531	-	-	<b>3.010.079.501</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

**08. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hành hóa	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>270.000.000</b>	-	-	-	<b>36.265.203</b>	<b>306.265.203</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	270.000.000	-	-	-	<b>36.265.203</b>	<b>306.265.203</b>
<b>Số cuối năm</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số đầu năm</b>	-	-	-	-	<b>36.265.203</b>	<b>36.265.203</b>
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	<b>36.265.203</b>	<b>36.265.203</b>
<b>Số cuối năm</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>- Số đầu năm</b>	<b>270.000.000</b>	-	-	-	-	<b>270.000.000</b>
<b>- Số cuối năm</b>	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*  
*(Đơn vị tính: VND)*

#### 09. Người mua trả tiền trước

##### a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
Ban quản lý dự án NN&PTNN	914.408.000	-
Công ty Nạo Vét Và Xây Dựng Công Trình Đường Thủy 1	210.000.000	210.000.000
ĐTKC phục vụ thi công kè Tỉnh Ủy	129.498.705	129.498.705
Công ty CP QLDS Số 2	50.000.000	50.000.000
DNTN Trung Tài	40.000.000	40.000.000
Công ty Hồng Linh	39.500.000	39.500.000
Ban QLDA 7	21.465.097	21.465.097
Công ty CP Xây Dựng Phước Thành	17.980.000	17.980.000
Công ty Xi Măng Hà Tiên 2	15.153.466	15.153.466
DNTN Tâm Liễu	5.200.000	5.200.000
Công ty TNHH MTV Thanh Toàn	56.689	56.689
Chi Cục ĐTNĐ Phía Nam	-	5.060.000.000
Công ty CP Xây Dựng Đê Kè Và Phát Triển Nông Thôn Hải Dương	-	85.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.443.261.957</b>	<b>5.673.853.957</b>

#### 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chi tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.324.018.437	1.224.363.660
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	24.634.000	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	24.634.000	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Thu nhập chịu thuế	1.348.652.437	1.224.363.660
- Thu nhập được miễn thuế	-	-
- Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
- Thu nhập tính thuế	1.348.652.437	1.224.363.660
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20,00%	20,00%
- <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>269.730.487</b>	<b>244.872.732</b>
- <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	-	-
- <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	-	-
- <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>269.730.487</b>	<b>244.872.732</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>269.730.487</b>	<b>244.872.732</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	28.849.139	1.869.623.027	498.391.534	1.400.080.632
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.940.066	269.730.487	297.940.066	14.730.487
- Tiền thuê đất	-	15.596.420	15.596.420	-
- Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	153.309.385		153.309.385	-
<b>Cộng</b>	<b>225.098.590</b>	<b>2.156.949.934</b>	<b>967.237.405</b>	<b>1.414.811.119</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
 (Đơn vị tính: VND)

**11. Phải trả người lao động**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 27/03/2015
- Tiền lương phải trả	3.017.206.347	1.819.858.586
<b>Cộng</b>	<b>3.017.206.347</b>	<b>1.819.858.586</b>

**12. Vốn chủ sở hữu**

**a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số cuối kỳ 31/12/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu	8.475.583.931	8.475.583.931
<b>Cộng</b>	<b>8.475.583.931</b>	<b>8.475.583.931</b>

**(\*) Chi tiết vốn chủ sở hữu:**

Thành viên/Cổ Đôong	Số cổ phần	Số vốn góp
<b>Nhà nước</b>	<b>407.558</b>	<b>4.075.583.931</b>
- Nhà nước (bộ Giao Thông Vận Tải)	407.558	4.075.583.931
<b>Cổ đông công ty</b>	<b>379.800</b>	<b>3.798.000.000</b>
- Ngô Xuân Hà	67.000	670.000.000
- Phan Văn Bình	38.700	387.000.000
- Nguyễn Thanh Tòng	13.100	131.000.000
- Nguyễn Hữu Mai	12.800	128.000.000
- Các cổ đông khác	248.200	2.482.000.000
<b>Nhà đầu tư</b>	<b>60.200</b>	<b>602.000.000</b>
- Trương Thị Yến Nga	60.200	602.000.000
	<b>847.558</b>	<b>8.475.583.931</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

**12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>8.475.583.931</b>	-	-	-	-	<b>8.475.583.931</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>8.475.583.931</b>	-	-	-	-	<b>8.475.583.931</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	1.054.287.950	-	<b>1.054.287.950</b>
- Tăng khác	-	52.960.738	52.960.738	-	-	<b>105.921.476</b>
- Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	13.500.000	211.842.952	-	<b>225.342.952</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.475.583.931</b>	<b>52.960.738</b>	<b>39.460.738</b>	<b>842.444.998</b>	-	<b>9.410.450.405</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
 (Đơn vị tính: VND)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh bán hàng hóa	27/03/2015- 31/12/2015	01/07/2014- 26/03/2015
- Doanh cung cấp dịch vụ	369.122.726	-
<b>Cộng</b>	<b>18.252.107.527</b>	<b>18.295.561.177</b>
	<b>18.621.230.253</b>	<b>18.295.561.177</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	27/03/2015- 31/12/2015	01/07/2014- 26/03/2015
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	314.227.339	-
<b>Cộng</b>	<b>13.826.912.460</b>	<b>17.180.721.904</b>
	<b>14.141.139.799</b>	<b>17.180.721.904</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27/03/2015- 31/12/2015	01/07/2014- 26/03/2015
<b>Cộng</b>	<b>133.433.214</b>	<b>109.524.387</b>
	<b>133.433.214</b>	<b>109.524.387</b>

**04. Chi phí tài chính**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí tài chính khác	27/03/2015- 31/12/2015	01/07/2014- 26/03/2015
<b>Cộng</b>	<b>136.000</b>	<b>-</b>
	<b>136.000</b>	<b>-</b>

**05. Thu nhập khác**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu nhập khác	27/03/2015- 31/12/2015	01/07/2014- 26/03/2015
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>
	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(Đơn vị tính: VND)

06. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Kỳ này
	27/03/2015- 31/12/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.332.027.974
- Chi phí nhân công	8.433.763.251
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	520.176.922
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	761.991.965
- Chi phí khác	1.457.548.918
<b>Cộng</b>	<b>17.505.509.030</b>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chỉ tiêu	Kỳ này
	27/03/2015- 31/12/2015
- Lương Hội Đồng Quản Trị	311.080.000
- Lương Ban Kiểm Soát	102.657.500
<b>Cộng</b>	<b>413.737.500</b>

An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2016



Ngô Xuân Hà  
Giám đốc

Nguyễn Văn Nhạn  
Kế Toán Trưởng